

# HỢP TÁC KINH TẾ GMS VÀ VAI TRÒ TÁC ĐỘNG HỘI NHẬP

TRẦN CAO THÀNH\*

## I. TIẾN TRIỂN HỢP TÁC KINH TẾ GMS TRONG NHỮNG NĂM ĐÂY

Hợp tác kinh tế GMS (Greater Mekong Subregion - GMS) ra đời từ năm 1992 trong bối cảnh khu vực và quốc tế có những thay đổi lớn về kinh tế, chính trị và quan hệ quốc tế. Từ sáng kiến diễn tiến qua các hội nghị hàng năm các thành viên GMS, ý tưởng hợp tác kinh tế GMS đã thu hút được tất cả sáu nước có dòng sông Mê Công tham gia, tiến triển thuận lợi thành Chương trình GMS với nhiều kỳ vọng liên kết phát triển kinh tế Tiểu vùng mở rộng.

Hoạt động của Hợp tác GMS nhằm mục tiêu chính thu hút đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phát huy tiềm năng của Tiểu vùng, đặc biệt là kinh tế, du lịch và thương mại, phát triển nguồn nhân lực thích ứng kinh tế thị trường mở; cải thiện điều kiện sống của bộ phận dân cư thụ hưởng tác động của các dự án đầu tư; tạo thêm cơ sở thuận lợi tăng trưởng kinh tế cao bền vững; tăng cường các mối quan hệ và hợp tác, giao lưu giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ

liên kê trong điều kiện thế giới đang phát triển xu thế toàn cầu hoá, tăng cường khu vực hoá.

Trong hợp tác kinh tế GMS, các dự án hợp tác được xác lập theo nguyên tắc có thể liên quan đến hai hoặc nhiều nước trong GMS. Quyền lựa chọn ưu tiên các dự án thuộc về các thành viên GMS tham gia chương trình, huy động vốn từ nhiều đối tác ở trong và ngoài Tiểu vùng, bao gồm cả khu vực tư nhân. Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) là tổ chức tài chính quốc tế vừa đưa ra sáng kiến hợp tác kinh tế ở GMS, vừa đóng vai trò xúc tác để chương trình và các dự án tiến triển. Ngoài ADB, chương trình GMS được cam kết trợ giúp tài chính của nhiều tổ chức quốc tế, nhiều nước phát triển.

Chương trình GMS đã tiến triển qua hơn một thập kỷ, đã xây dựng được cơ sở hợp tác; đã xác định các lĩnh vực trọng tâm và hệ thống hàng trăm dự án ưu tiên; đã thực hiện một loạt công tác nghiên cứu khả thi dự án, và đã đầu tư xúc tiến thực hiện nhiều hạng mục công trình; đặc biệt, về xây dựng cải tạo một

---

\* TS. Trần Cao Thành, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

số cơ sở hạ tầng giao thông các thành viên GMS..v.v. .

Trong thập kỷ đầu, các lĩnh vực trọng tâm hợp tác kinh tế GMS được xác định bao gồm:

1. Giao thông vận tải: Đường bộ, đường sắt, cảng biển đường thủy và cảng hàng không nhằm nâng cao năng lực vận tải và kết nối hệ thống giao thông GMS.

2. Năng lượng: với các hạng mục trạm thủy điện và truyền tải điện nhằm khai thác điện năng dồi dào trong GMS, kết nối tiện ích hệ thống truyền tải điện tăng khả năng sử dụng tối ưu nguồn tài nguyên năng lượng phong phú ở Tiểu vùng.

3. Bưu chính viễn thông: với mục đích tạo mối liên kết dịch vụ bưu chính viễn thông có độ tin cậy và chất lượng cao, chi phí thấp.

4. Du lịch: xây dựng một chiến lược hợp tác xuyên quốc gia Tiểu vùng, khai thác tiềm năng giá trị và lợi ích từ du lịch để trở thành điểm dừng hấp dẫn của du khách.

5. Môi trường: nhằm thiết lập cơ sở dữ liệu và mạng lưới trao đổi thông tin môi trường Tiểu vùng, hỗ trợ các thành viên GMS có thông tin tham khảo trong việc đưa ra các quyết định giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý phát triển môi trường bền vững, hỗ trợ tăng năng lực lập kế hoạch xây dựng thực hiện các chương trình và chính sách môi trường của các nước GMS.

6. Phát triển nguồn nhân lực: tăng cường năng lực giải quyết các nhu cầu về y tế và giáo dục của các dân tộc thiểu số miền núi biên giới, xúc tiến hợp tác việc làm và đào tạo nghề giữa các nước GMS, triển khai đề án hợp tác ngăn

ngừa và kiểm soát căn bệnh HIV/AIDS qua biên giới trong tiểu vùng sông Mê công mở rộng.

7. Thương mại: với các đề án đã đề xuất hoặc đang thực hiện mang tính chất hỗ trợ thúc đẩy thương mại Tiểu vùng, có xem xét đến tác động hiệu quả của các hành lang kinh tế.

8. Đầu tư: tạo điều kiện để xúc tiến và khuyến khích đầu tư, nhiều diễn đàn đã được tổ chức ở trong và ngoài GMS, nhằm thu hút và huy động sự tham gia của các doanh nghiệp và các nhà đầu tư quốc tế vào hợp tác kinh tế phát triển GMS.

Với các lĩnh vực đó đến năm 2002, hoạt động hợp tác kinh tế GMS đã xác định 100 dự án<sup>(1)</sup>. Điểm lưu ý, số dự án có sự thay đổi so với trước ở các lĩnh vực du lịch, thương mại, đầu tư<sup>(2)</sup>. Các hạng mục dự án bao gồm:

- 10 dự án vận tải đường bộ; 8 dự án thuộc vận tải đường sắt; 10 dự án thuộc vận tải thủy, chủ yếu là nâng cấp các cảng biển; 6 dự án vận tải hàng không, chủ yếu là nâng cấp các cảng sân bay ở Campuchia, Vân Nam Trung Quốc, Mianma, Việt Nam. Ngoài ra, có dự án xây dựng sân bay quốc tế thứ hai ở Băng Cốc và dự án thành lập các tuyến đường bay mới ở Tiểu vùng.

- 10 hạng mục dự án phát điện năng và truyền tải điện, đường ống dẫn khí và tăng cường thể chế trong công tác kế hoạch, quản lý hiệu quả nguồn nước.

- 13 dự án xây dựng tuyến cáp quang nối giữa hai hoặc nhiều nước trong Tiểu vùng và 5 dự án nghiên cứu trong lĩnh vực bưu chính viễn thông.

- 8 dự án khai thác tiềm năng du lịch với mục tiêu để tiểu vùng trở thành điểm dừng của du khách trong chiến

lược hợp tác du lịch liên quốc gia ở GMS.

- 10 dự án tập trung vào mục tiêu hợp tác tạo việc làm và đào tạo nghề ở GMS, hợp tác phòng chống HIV/AIDS và nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe cộng đồng các dân tộc miền núi trong GMS .v.v...

- 5 đề án môi trường tập trung vào xây dựng khung chiến lược, hệ thống thông tin giám sát quản lý môi trường vùng rừng núi, vùng đất ngập mặn ở hạ lưu sông Mê công v.v...

- 9 đề án thúc đẩy thương mại Tiểu vùng, bao gồm cả trọng tâm tác động hiệu quả của các hành lang kinh tế, hợp tác nông nghiệp trong GMS, hợp tác hàng hoá trong GMS và thành lập hệ thống thanh toán đối với thương mại GMS. v.v...

- 6 đề án về đầu tư được xác lập, chủ yếu mang tính kỹ thuật tham chiếu tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích và hỗ trợ xúc tiến đầu tư ở trong và vào Tiểu vùng .v.v..

Hội nghị cấp Bộ trưởng GMS lần thứ 10 tổ chức tại Mianma (tháng 11/2001) đã tán đồng chiến lược hợp tác kinh tế thời kỳ 10 năm tiếp theo. Hội nghị cấp cao chính phủ 6 thành viên GMS lần thứ nhất tại Phnôm Pênh (Campuchia) tháng 11/2002 đã thông qua mười một chương trình **định hướng trọng tâm** gồm:

1. Hành lang kinh tế Bắc - Nam
2. Hành lang kinh tế Đông - Tây
3. Hành lang kinh tế phía Nam.
4. Hệ thống tuyến cáp quang.
5. Thoả thuận mua bán và kết nối điện năng tiểu vùng.

6. Thuận lợi hoá mậu dịch qua biên giới và đầu tư.

7. Thu hút sự chú ý và tham gia của khu vực tư nhân.

8. Phát triển các kỹ năng và nguồn lực con người.

9. Khung chiến lược môi trường.

10. Quản lý nguồn nước và kiểm soát lũ.

11. Phát triển du lịch GMS<sup>(3)</sup>.

Hội nghị cấp cao lãnh đạo chính phủ các nước Tiểu vùng Mê Công mở rộng lần thứ nhất (GMS -1) “đã xây dựng tầm nhìn của một Tiểu vùng thịnh vượng, hài hoà và thống nhất, tăng trưởng kinh tế nhanh, tiến bộ xã hội và phát triển môi trường bền vững”<sup>(4)</sup>. Đến nay, hợp tác kinh tế Tiểu vùng Mê công mở rộng trong chín lĩnh vực, bao gồm cả nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Hội nghị lãnh đạo cấp cao lần thứ hai Hợp tác kinh tế GMS tại Vân Nam Trung Quốc (tháng 7-2005) đánh giá những thành tựu thách thức hợp tác và tái khẳng định cam kết thực hiện tầm nhìn GMS. Lãnh đạo Chính phủ sáu nước thành viên đã ra tuyên bố chung GMS-2 gồm 33 điểm “**tăng cường quan hệ đối tác vì sự phồn vinh thịnh vượng chung**”. Tuyên bố nhấn mạnh quyết tâm thực hiện những nguyên tắc chung định hướng sự hợp tác kinh tế của GMS trong tương lai. Đồng thời, cam kết tập trung hơn nữa nỗ lực trong bốn lĩnh vực: i) củng cố hạ tầng cơ sở phục vụ phát triển; ii) cải thiện môi trường đầu tư và thương mại; iii) tăng cường cơ sở hạ tầng xã hội và môi trường; iv) huy động tài chính và đẩy mạnh quan hệ đối tác<sup>(5)</sup>.

Hội nghị cấp cao lãnh đạo chính phủ sáu nước gồm Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Mianma, Trung Quốc tại GMS-1 (tháng 11-2002) và GMS-2 (tháng 7-2005) đã xác lập phương hướng hành động chung tầm quốc gia liên kết Tiểu vùng, “tăng cường quan hệ đối tác” thúc đẩy sự hợp tác phát triển.

## II. VAI TRÒ TÁC ĐỘNG HỘI NHẬP

**1. Hợp tác kinh tế GMS là một cơ chế có chiều kích mở;** có quy mô nhiều dự án nhất trong các chương trình và hoạt động hợp tác phát triển ở tiểu vùng sông Mê Công mở rộng.

GMS diễn tiến mở rộng và bước đầu đi vào chiều sâu hợp tác thực hiện các hạng mục công trình dự án “nhằm phát huy hết tiềm năng to lớn của mình, xoá bỏ đói nghèo và tạo ra sự phát triển bền vững cho tất cả các nước trong khu vực...thông qua việc tăng cường hơn nữa tính liên kết, khả năng cạnh tranh và tính cộng đồng”<sup>(6)</sup>.

**2. Đây là một khu vực có vị trí bản lề, kết nối các khu vực Đông Nam Á với Đông Bắc Á và Nam Á;** giữa các thị trường rộng lớn cận kề gồm Đông Nam Á hơn 500 triệu dân, Ấn Độ ở Nam Á với hơn 1 tỷ dân và Trung Quốc ở Đông Á 1,3 tỷ dân. Do vậy, hợp tác kinh tế GMS có hiệu ứng trực tiếp trong bối cảnh quốc tế và khu vực gia tăng sự hợp tác và hội nhập.

Ở thời kỳ chiến tranh lạnh, khu vực này có vị trí địa chính trị - an ninh quan trọng và cơ bản luôn ở trong tình trạng bất ổn định do chiến tranh xung đột. Vì vậy, dù tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào, các nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung ở nơi đây cơ bản

khó khăn và tách biệt, chậm phát triển. Đặc biệt, lưu vực dọc sông Mê Công còn nhiều vùng lãnh thổ kinh tế - xã hội trì trệ khép kín biệt lập do địa hình, chiến tranh và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội yếu kém. Quan hệ và hợp tác đa phương nhóm nước thuộc Tiểu vùng và với cộng đồng quốc tế chưa được xác lập đồng hành cùng tồn tại phát triển.

Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, trong điều kiện chính trị - an ninh ở khu vực cơ bản ổn định, nhu cầu xoá đói giảm nghèo, phát triển và kết nối cơ sở hạ tầng như giao thông vận tải, thông tin, năng lượng, nâng cao nội lực thương mại hội nhập và cạnh tranh thu hút đầu tư, đào tạo phát triển nhân lực, khai thác và bảo trì phát triển các tiềm năng kinh tế, các giá trị văn hoá du lịch, bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên lâu bền v.v... không chỉ là những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực nội sinh trong chiến lược quốc gia. Đó cũng còn là mục tiêu tăng cường hội nhập hợp tác liên kết phát triển trước những tác động và sức ép cả từ bên ngoài trong những điều kiện mới. Các nước GMS đều có nhu cầu lợi ích hợp tác rộng mở bổ sung tăng trưởng kinh tế và phát triển quan hệ. Thông qua đó, các bên tham gia cần thu được lợi ích trên tinh thần đảm bảo quan hệ và hợp tác cùng có lợi. Điều đó cũng có nghĩa làm gia tăng quan hệ phụ thuộc lẫn nhau vì lợi ích chung cần hợp tác; tuy thuộc ở nhau bảo trì lợi ích riêng của mỗi thành viên. Song chỉ có nhu cầu và lợi ích không chưa đủ. Sự hợp tác liên kết cần các bên tham gia có điều kiện khả năng và tiềm lực hợp tác liên kết. Đó là môi trường chính trị - an ninh ổn định, quan hệ láng giềng thân hữu, các quốc gia có chính sách kinh tế hướng ngoại chủ động hội nhập vào các thể chế

hợp tác nhiều quy mô, các chính phủ có những quyết sách tương thích với nhu cầu và khả năng hợp tác trong điều kiện cần và phải hội nhập, vai trò tích cực tham gia của cộng đồng quốc tế các nhà tài trợ.v.v...

### **3. Hợp tác GMS tiến triển và có xu hướng mở rộng với triển vọng tương đối thuận lợi**

*Thứ nhất:* Tình hình chính trị - an ninh khu vực vẫn cơ bản ổn định, tạo điều kiện để các quốc gia có môi trường hoà bình, đẩy mạnh quan hệ song phương và tăng cường hợp tác quốc tế đa phương nhiều cấp độ trong tương tác gắn kết và tùy thuộc lẫn nhau.

*Thứ hai:* Các bên chủ thể thành viên tham gia các hoạt động trong hợp tác ở Tiểu vùng Mê Công mở rộng đều phát triển kinh tế thị trường tự do và hội nhập, thu hút đầu tư nước ngoài, nỗ lực tham gia lộ trình AFTA, mở rộng tự do thương mại song phương và đa phương khu vực. Cơ chế hợp tác GMS gồm tất cả các quốc gia có sông Mê Công chảy qua tham gia thu hút nhiều đối tác phát triển ở nhiều châu lục hỗ trợ thực hiện dự án.

*Thứ ba:* Phạm vi hợp tác cơ bản liên đới với các hoạt động của ASEAN nhằm phát triển hội nhập liên kết trong thu hẹp khoảng cách của ASEAN và đẩy mạnh hợp tác Đông Á. Để phát triển nhanh bền vững, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn tiến toàn cầu hoá sâu rộng, ASEAN cần liên kết đồng thuận, phát huy nội lực của từng thành viên, thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương nhiều quy mô cấp độ, tăng cường tận dụng vai trò của các đối tác bên ngoài trên các lĩnh vực như kinh tế thương mại dịch vụ, hợp tác đầu tư, hỗ

trợ phát triển và chuyển nhận khoa học công nghệ cao v.v... ASEAN có năm nước thành viên thuộc Tiểu vùng Mê Công, bao gồm bốn quốc gia mới gia nhập Hiệp hội ở nửa cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX. Hợp tác kinh tế GMS góp phần thúc đẩy quan hệ và hợp tác ASEAN - Trung Quốc, trực tiếp trong nhiều lĩnh vực kinh tế, thương mại và phát triển thị trường cạnh tranh, vận tải đa phương tiện liên khu vực v.v... Hợp tác GMS là một cơ chế đa phương tiểu khu vực, góp phần phát triển nhanh và hài hoà giữa các vùng lãnh thổ trong một quốc gia, giữa các thành viên GMS, giữa các quốc gia Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo, giữa Đông Nam Á và Đông Bắc Á, tạo thêm sự tương tác giữa ASEAN và các đối tác chiến lược ngoài ASEAN như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc ở Đông Bắc Á, Ấn Độ ở Nam Á.v.v...

*Thứ tư:* Môi trường địa chiến lược của GMS và Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh vẫn là một khu vực có tầm quan trọng trong định vị của các đối tác lớn đang xác lập vai trò ở vùng châu Á - Thái Bình Dương thế kỷ 21.

Trung Quốc đang nỗ lực phát triển quốc lực giữ nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao. Trong chiến lược khai phát vùng Tây Nam của Trung Quốc, có Vân Nam và Quảng Tây giáp Mianma, Lào và Việt Nam thuộc Tiểu vùng GMS. Ấn Độ đẩy mạnh quan hệ với Đông Nam Á và thúc đẩy chính sách hướng Đông. Nhật Bản vốn từng thể hiện trong hợp tác và hỗ trợ phát triển thu hẹp khoảng cách của ASEAN, đặc biệt là khoảng cách bên trong của các thành viên mới và giữa hai nhóm nước mới với cũ trong ASEAN. EU cần có vị trí quan trọng về

dầu tư hỗ trợ phát triển trong các dự án hợp tác Tiểu vùng Mê Công. Mỹ gia tăng ảnh hưởng trở lại ở Đông Nam Á thông qua hoạt động kinh tế thương mại đầu tư và chống khủng bố. v.v...

Tận dụng vai trò và nhu cầu định vị của các chủ thể này với các đối tác tổ chức tài chính quốc tế trong một số lĩnh vực dự án nhóm nước có thể xác lập cân bằng quan hệ đối tác trong hội nhập phát triển của GMS.

**4. Xuất phát từ lợi ích quốc gia, từ nhu cầu điều kiện và khả năng hợp tác, trên thực tế ở tiểu vùng sông Mê Công mở rộng đã hình thành nhiều cơ chế loại hình hợp tác đa phương nhóm nước<sup>(7)</sup>.**

Tham gia hợp tác tiểu khu vực, các nước thành viên phát huy được vị thế địa lý và lợi thế so sánh cạnh tranh của mình trong hội nhập khu vực và quốc tế, tạo không gian hợp tác đa dạng và đồng thuận hơn, thu hút quốc tế đầu tư phát triển cơ sở vật chất đầy nhanh CNH-HDH; tăng cường nội lực, gắn kết lợi ích từ hợp tác quốc tế với lợi ích quốc gia trong chiến lược hội nhập phát triển liên vùng, liên quốc gia khu vực. Thông qua hiệp định, hội nghị diễn đàn tư vấn, cơ chế song phương và đa phương, hợp tác Tiểu vùng sẽ tác động đến chính sách và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội ở từng quốc gia và của GMS, đến sự hợp tác liên kết khu vực và liên khu vực. Hợp tác tiểu khu vực góp phần thúc đẩy quan hệ và hợp tác trong một số lĩnh vực kinh tế, tạo lập các hành lang phát triển có ý nghĩa chính trị xã hội phát triển thị trường trong nước, mở rộng thị trường liên kết Tiểu vùng, hội nhập chủ động có hiệu quả thị trường tự do song phương và đa phương.v.v..., sẽ tạo thêm

khả năng tăng lưu lượng qua cửa khẩu thuận lợi giao lưu kinh tế hàng hoá và dịch vụ, kích thích sản xuất lưu thông hàng hoá, thúc đẩy phát triển hệ thống các đặc khu kinh tế mở ở vùng biên giới, các cửa khẩu liên quốc gia, thu hút đầu tư quốc tế nhiều hình thức bao gồm cả khu vực tư nhân vào phát triển Tiểu vùng, đặc biệt ở các lĩnh vực cơ sở hạ tầng cần nhiều vốn. Thông qua đó, tạo thêm việc làm và thu nhập giảm đói nghèo cải thiện đời sống dân cư; góp phần phát triển các mối quan hệ và giao lưu kinh tế - văn hoá - xã hội giữa các nước ở GMS.

**5. Xu hướng hợp tác nhiều quy mô cấp độ là sự thích ứng để các thành viên GMS thực hiện tiến trình khu vực hoá hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với quan hệ quốc tế hiện đại, với chính sách đối ngoại phát triển quan hệ quốc tế rộng mở, hạn chế sự cô lập khép kín của mỗi nước trong thế giới ngày nay.**

Tuy vậy, tiến trình này cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức ở bên trong và tác động áp lực từ bên ngoài. Một nét nổi bật trong hợp tác GMS đặt trọng tâm đầu tư phát triển kết nối hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, tăng năng lực tăng trưởng kinh tế và hội nhập liên kết tiểu vùng. Kinh phí cần để thực hiện các dự án này là rất lớn, vượt quá khả năng huy động vốn của các thành viên tham gia. Việc tạo lập cơ chế chính sách thu hút được các nguồn lực vốn đầu tư từ nhiều nguồn ở trong và ngoài Tiểu vùng là nhu cầu cần thiết. Việc sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, đảm bảo chủ quyền lợi ích quốc gia là yêu cầu lựa chọn trong hợp tác giữa các nước liên kế, có đường hướng

chính trị - kinh tế - xã hội không đồng nhất. Vai trò quản lý theo định hướng của Nhà nước rất quan trọng khi khu vực tư nhân có vốn đầu tư, kỹ năng quản lý và công nghệ chuyên môn tham gia vào các dự án hợp tác phát triển cơ sở hạ tầng. Mặt khác, do có nhiều khác biệt giữa các quốc gia trên nhiều phương diện thực tiễn và chính sách, các thành viên GMS đã và đang giải quyết nhiều khó khăn thách thức nảy sinh, gắn kết hội nhập với đảm bảo an ninh và phát triển của mỗi nước trong nhu cầu ổn định khu vực. Đồng thời, đánh giá tác động hệ quả của các dự án, đặc biệt trong phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải và năng lượng không chỉ chú trọng đến lợi ích kinh tế, cần phải được xem xét đầy đủ trên các phương diện chính trị - an ninh - xã hội - môi trường - sinh thái phát triển bền vững của Tiểu vùng và đối với ở cuối hạ lưu sông Mê Công.

**6. Hợp tác phát triển trên cơ sở phát huy nội lực của từng nước, tranh thủ tối đa các nguồn lực đầu tư phát triển từ bên ngoài, đảm bảo quyền và nguyên tắc cùng có lợi trong quan hệ tương tác gắn kết và tùy thuộc nhau là thách thức lớn, đang thử thách tiến trình hợp tác phát triển tiểu vùng sông Mê Công mở rộng.**

Hợp tác phát triển thu hẹp khoảng cách trên tinh thần đồng thuận lợi ích có ý nghĩa tăng cường hợp tác liên kết khu vực và liên khu vực. Đồng thời, phát triển liên kết ASEAN và mở rộng hợp tác Đông Á tác động góp phần thúc đẩy mức độ phát triển và hội nhập hơn của Tiểu vùng Mê Công mở rộng. Song tác động của vai trò hội nhập trong hợp tác GMS chưa thực sự đối trọng vì lợi ích chưa tương đồng, hiện còn ở giai

đoạn thu hút đầu tư quốc tế trên tinh thần nỗ lực tự cường, xây dựng cơ sở nền tảng của sự liên kết hội nhập, xác lập quan hệ hợp tác cùng có lợi bền vững giữa các đối tác thành viên./

## CHÚ THÍCH

1. GMS Webiste: <http://www.adb.org/gms/> September 2002
2. Xem tham khảo: Asian Development Bank: Economic Cooperation in the Greater Mekong Subregion, An overview, 1996, 1998.
3. Hội nghị Bộ trưởng GMS lần thứ mười một tổ chức tại Phnôm Pênh (ngày 23-25-9-2002) đã nhất trí mục tiêu phát triển du lịch GMS như là một chương trình thứ 11 định hướng trọng tâm hợp tác GMS. Theo Asian Development Bank "Building on Success a Strategic Framework for the next ten years of the Greater Mekong Subregion economic cooperation program, November 2002, p.32.
- 4-5-6. Dẫn từ báo Nhân dân, ngày 6-7- 2005
7. Đó là: Hợp tác sông Mê Công, Hợp tác kinh tế tiểu vùng Mê Công mở rộng, Hợp tác bốn bên Thái Lan - Lào - Mianma - Trung Quốc (Vân Nam). Diễn đàn phát triển toàn diện Đông Dương - Hợp tác ASEAN phát triển lưu vực sông Mê Công, Hợp tác Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam, Hợp tác sông Mê Công - sông Hằng, Chiến lược hợp tác kinh tế Agiaoadi - Chaophaya - Mê Công; Trần Cao Thành: "Xu hướng hợp tác Tiểu vùng sông Mêkông mở rộng những năm sắp tới và tác động đến hợp tác khu kinh tế Đông Nam Á và tác động của chúng đối với Việt Nam những năm sắp tới", Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, H., 5/2005.